



Câu chuyện tác giả

## NGỤC TRUNG NHẬT KÝ

TS. PHAN VĂN HOÀNG

Ở Á Đông, nhiều nhà hoạt động chính trị từng sáng tác thơ văn trong thời gian bị giam cầm. Chỉ kể trong thế kỷ XX, ở Trung Hoa có Liêu Trọng Khải, Cù Thu Bạch..., ở Việt Nam có Phan Bội Châu (*Ngục trung thư*), Phan Châu Trinh (*Xãng-tê thi tập*), Huỳnh Thúc Kháng và các bạn tù ở Côn Đảo (*Thi tù tùng thoại*)... Do đó, chuyện Hồ Chí Minh sáng tác *Ngục trung nhật ký* trong lúc bị giam ở Quảng Tây (1942 – 1943) cũng nằm trong “truyền thống” đó.

Ngay trong bài *Khai quyển*, bài đầu tiên của tập thơ, ông Hồ đã “tuyên bố”:

老夫原不愛吟詩，  
因為囚中無所為。  
聊借吟詩消永日，  
且吟且待自由時。

*Lão phu nguyên bất ái ngâm thi,  
Nhân vị tù trung vô sở vi.  
Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật,  
Thả ngâm thả đãi tự do thì.*

(Ngâm thơ ta vốn không ham

Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây

Ngày dài ngâm ngợi cho khuây

Vừa ngâm, vừa đợi đến ngày tự do)<sup>1</sup>

Mấy chục năm sau, ông giữ nguyên ý ấy khi nói với các nhà thơ Pavel Antokolsky (người Nga) và René de Petro (người Haiti): “Tôi viết những bài thơ ấy để làm gì? Chỉ vì lý do ở trong tù, tôi không thể làm gì khác. Họ tước đoạt của tôi tất cả... và buồn”, “Khi ở tù tại miền nam của Trung Quốc, [tôi] đã làm những bài thơ ấy cho qua ngày giờ, chứ thật ra [tôi] không phải là một nhà thơ”<sup>2</sup>.

Tiến sĩ người Mỹ gốc Trung Hoa King C. Chen đồng ý với ông Hồ khi viết: “Mặc dầu ông Hồ không tự xem mình như một nhà thơ, nhưng ông đã viết hơn một trăm bài thơ bằng chữ Hán để cho qua thời gian” (*Although Ho did not consider himself a poet, he wrote more than a hundred Chinese poems to occupy himself*)<sup>3</sup>.

Suy nghĩ như vậy nên ông Hồ làm thơ chỉ để cho chính mình, không phải viết ra cho người khác đọc, không nghĩ đến chuyện ấn hành, xuất bản. Vì thế, sau khi hoàn tất, tập thơ hầu như bị chính tác giả của nó lãng quên trong suốt 15 năm (1943 – 1958) giữa những bộn bề của lịch sử.

Thế nhưng, từ khi xuất hiện trên thi đàn (1960), tập thơ đã thu hút sự chú ý không chỉ nhân dân trong nước mà cả bạn đọc nước ngoài. Chẳng hạn, nhà thơ Trung Quốc Quách Mạt Nhược đã nhận xét: “Một trăm bài thơ hầu hết bài nào cũng đều toát ra hết sức sinh động hình ảnh một nhà cách mạng lão thành, thanh thoát, tài trí, ung dung, giản dị, kiên cường (...). Thật là “thi như kỳ nhân” (thơ như người vậy)... Có một số bài rất hay, nếu như đặt lẫn vào một tập của các thi nhân Đường, Tống thì cũng khó phân biệt”<sup>4</sup>. Ngay cả Tiến sĩ Lê Hữu Mục – một Việt kiều ở Canada mà chúng tôi sẽ đề cập đến ở phần sau – cũng phải thừa nhận: “Phong cách

---

<sup>1</sup> Các bản dịch của các tác giả thuộc Viện Văn học Việt Nam.

<sup>2</sup> Đào Phan, *Hồ Chí Minh, danh nhân văn hóa*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1991, tr.100, 95.

<sup>3</sup> King C. Chen, *Vietnam and China 1938 – 1954*, Princeton University Press, New Jersey, 1969, tr.58.

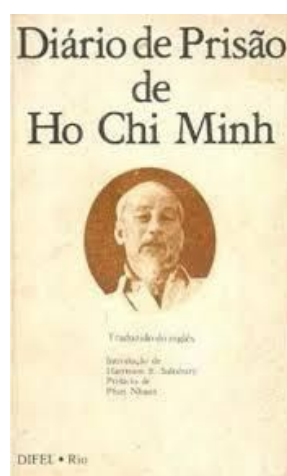
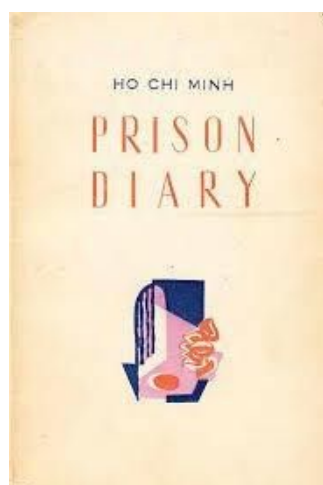
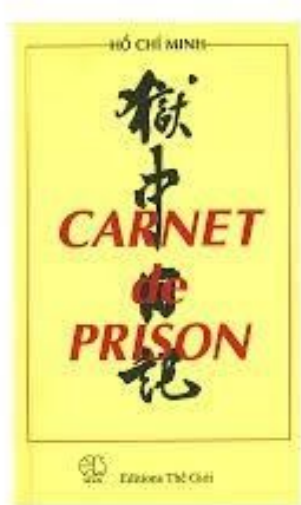
<sup>4</sup> Trích dẫn bởi Viện Văn học, *Suy nghĩ về Nhật ký trong tù*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1993, tr.214.

khái quát của thơ Đường sử dụng một hệ từ vựng kín, nghĩa là chỉ dùng một số chữ rất hạn chế có nghĩa khái quát, chỉ nắm lấy những cái có tính chất chung cho một loạt sự vật, một loạt hiện tượng, tức là không chú trọng đến cái cá biệt, không chú trọng đến việc tô đậm màu sắc, và cuối cùng, chủ trương tính triết học, coi trọng hoạt động của tư duy hơn của tri giác cảm quan. Tác giả *Ngục trung nhật ký* đã thành công trong loại phong cách này”. Sau khi dẫn ra hơn 10 bài thơ mà ông thích, ông Mục kết luận: “Bài *Tảo giải* có lẽ là bài thơ hay nhất trong *Ngục trung nhật ký*”.

Cho đến nay, *Ngục trung nhật ký* đã được dịch ra hơn 25 thứ tiếng, Á có, Âu có, có nhiều thứ tiếng được dịch đi dịch lại, riêng tiếng Anh thì có nhiều bản dịch khác nhau của Aileen Palmer, Đặng Thế Bính, Kenesth Rexroth, Steve Bradbury, Ian McLanchlan... Trong cuốn *Những suy nghĩ từ cảnh giam cầm (Reflections from Captivity)* do David Marr chủ biên, các tác giả đặt *Ngục trung nhật ký* bên cạnh *Ngục trung thư*<sup>5</sup>.

---

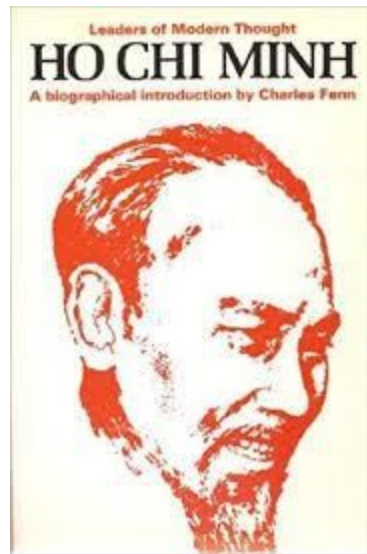
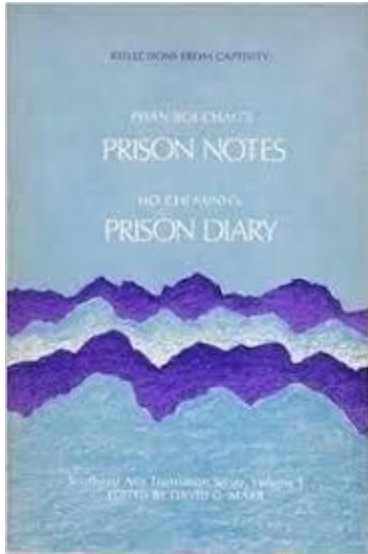
<sup>5</sup> David Marr (chủ biên), *Reflections from Captivity: Phan Boi Chau's Prison Notes and Ho Chi Minh's Prison Diary*, Ohio University Press, Athens, 1978.



*Ngục trung nhật ký được dịch ra nhiều tiếng nước ngoài*

Các nhà nghiên cứu khi viết tiểu sử ông Hồ đều không quên nhắc tới *Ngục trung nhật ký*; có nhiều tác giả dành vài ba trang để giới thiệu một số bài thơ của ông vì – như tiến sĩ Bernard B. Fall viết – “những bài thơ ấy cho chúng ta thấy một khía cạnh khác của con người và một bước đi khác trong sự phát triển lịch sử của ông” (*these poems...show us another aspect of the man and another step in his historical development*)<sup>6</sup>. Đặc biệt, Charles Fenn, một sĩ quan tình báo OSS của Mỹ từng gặp ông Hồ trước Cách mạng tháng Tám, không chỉ trích dẫn vào phần

<sup>6</sup> Bernard B. Fall, “Ho Chi Minh, a Profile” trong *Ho Chi Minh on Revolution*, Nxb The New American Library, New York, 1968, tr. XII.



Bìa sách *Reflections from Captivity*: Bìa sách *Ho Chi Minh – A Biographical Introduction*

phụ lục cuốn *Hồ Chí Minh – Giới thiệu tiểu sử (Ho Chi Minh - A Biographical Introduction)* 9 bài thơ của *Ngục trung nhật ký*, mà còn đặt ở đầu mỗi chương (trong tổng số 12 chương) một bài hay một đoạn của tập thơ này.

Trong bài viết này, chúng tôi không có ý định bàn đến giá trị văn chương và tư tưởng của *Ngục trung nhật ký* mà chỉ đề cập đến vấn đề tác giả của tập thơ. Câu chuyện bắt đầu từ một quyết định của Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc UNESCO.

Trong phiên họp thứ 24 từ 20/10 đến 20/11/1987 tại Paris, Đại hội đồng UNESCO đã thông qua nhiều quyết định, trong đó có quyết định về kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong năm 1990:

“Đại hội đồng (...)

Ghi nhận rằng năm 1990 sẽ đánh dấu kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa lớn của Việt Nam,

Xét rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh, một biểu tượng nổi bật của quyết tâm dân tộc, cống hiến trọn đời cho công cuộc giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, đóng

góp vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội,

Xét rằng sự đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật kết tinh truyền thống văn hóa của nhân dân Việt Nam trải dài trong nhiều nghìn năm và rằng những lý tưởng của Người là sự biểu hiện cho nguyện vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc văn hóa của mình và cho sự đẩy mạnh hiểu biết lẫn nhau,

1/ Khuyến nghị các Quốc gia thành viên tham gia kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cách tổ chức các sự kiện khác nhau tỏ lòng kính trọng tưởng nhớ Người, nhằm truyền bá sự hiểu biết về tính chất vĩ đại của các lý tưởng và việc làm của Người trong công cuộc giải phóng dân tộc;

2/ Đề nghị ông Tổng giám đốc UNESCO tiến hành những bước thích hợp để tổ chức kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và ủng hộ các hoạt động tưởng niệm được tổ chức nhân dịp này, đặc biệt những hoạt động diễn ra ở Việt Nam”.

*Nguồn: [ulis2.unesco.org/images/0007/000769/076995E0.pdf](http://ulis2.unesco.org/images/0007/000769/076995E0.pdf)*



**Trong công viên Montreuil (ở Pháp), dưới bức tượng là dòng chữ:**

**« Président HỒ CHÍ MINH 1890 –1969, Héros de la libération nationale et éminent homme de culture du Việt Nam - Résolution de l'UNESCO 1987» (Chủ Tịch HỒ CHÍ MINH 1890 – 1969, Anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá của Việt Nam - Nghị quyết của UNESCO năm 1987)**

• VÌ SAO ÔNG LÊ HỮU MỤC ĐẶT LẠI VẤN ĐỀ TÁC GIẢ NGỤC TRUNG NHẬT KÝ ?

Quyết định của UNESCO là một tin vui cho nhân dân Việt Nam và cho các dân tộc bạn bè trên thế giới, song đó lại là tin... buồn cho những người chống đối Việt Nam ở hải ngoại.

Phát biểu ngày 8/6/2003 tại San Jose, bang California, Mỹ, ông Lê Hữu Mục\* cho biết: khi hay tin quyết định nói trên của UNESCO, “anh em hải ngoại bảo nhau phải tìm cách để xóa bỏ cái huyền thoại Hồ Chí Minh, chuyện Hồ Chí Minh sẽ được tôn vinh là nhà văn hóa lớn quốc tế do UNESCO”<sup>7</sup>. Ông Mục là tiến sĩ văn học, từng giảng dạy tại một số trường đại học ở miền nam Việt Nam trước 1975, nên được phân công viết về đề tài “Hồ Chí Minh không phải là tác giả *Ngục trung nhật ký*”.

Ông Mục kể tiếp: “Hồ Chí Minh không biết làm thơ, cũng chẳng phải là nhà văn học, văn hóa gì... Tôi cố gắng viết, chỉ nội trong một tháng là xong. Tôi gửi loạt bài này đăng trên tạp chí *Làng văn*... Các bài viết của tôi đã đăng từng kỳ trên tạp chí *Làng văn* từ năm 1989 đến năm 1990 mới in thành sách”<sup>8</sup>

---

<sup>7 & 8</sup> www.vietnamexodus.info. Các bài viết của ông Mục đăng trên tạp chí *Làng văn* xuất bản ở Canada từ số 67 (tháng 3/1989) đến số 70 (tháng 6/1990), tới tháng 11/1990 được Trung tâm Văn bút Hải ngoại in thành sách dày 155 trang. Bản mà chúng tôi dùng đăng dưới dạng pdf tại trang web <http://giaocam.saigonline.com>, không đánh số trang.

<sup>89</sup> Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.87.

10) Archimedes L. A. Patti, *Why Vietnam?*, Universty of California Press, Berkeley, 1980, tr.51.

11) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập III, tr.431, 434.

12) William Duiker, *Ho Chi Minh – A Life*, Nxb Hyperion, New York, 2000, tr.263.

---

Chester Cooper, *The Lost Crusade*, Nxb Dood, Mead & Company, New York, 1970, tr.23.

King C. Chen, *Vietnam and China 1938-1954*, Princeton University Press, New Jersey, 1969, tr.55.

Jean Lacouture, *Ho Chi Minh, A Political Biography*, Nxb Vintage Books, New York, 1968, tr.78.

Yevgeny Kobelev, *Ho Chi Minh*, Nxb Progress, Moscow, 1989, tr.146.

13) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập II, tr.9

14) Viện Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tập II, tr.70.

15) Vũ Anh, “Từ Côn Minh về Pắc Bó”, trong *Bác Hồ* (nhiều tác giả), Nxb Văn học, Hà Nội, 1975, tr.145.

16) Archimedes L. A Patti, sđd, tr.50

17) King C. Chen, Sđd, tr.56. Viết Pháp Decoux thân Nhật để phân biệt với Pháp De Gaulle chống Nhật.

18) Hoàng Ngọc Phách – *Đường đời và đường văn*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1996, tr.191

19) Hoàng Quang Bình, “Bác Hồ ở Vân Nam”, trong *Bác Hồ ở Hoa Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.67

20) Viện Văn học, *Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1993, tr.607.

21) Viện Văn học, sđd, re.620-621

22) Bản dịch 10 bài này được công bố trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, sđd, tập III, tr.175-194.

22a) Pierre Brocheux, *Ho Chi Minh – A Biography*, Cambridge University Press, New York, 2007, tr. 82.

22b) King C. Chen, sđd, tr. 66.

22c) Viện Văn học, sđd, tr.214.

23) Bài *Cảm ca* của nhà thơ Trung Hoa đời Đường Lý Kỳ.

24) Bài *Đối nguyệt* của Hồ Chí Minh (1950)

-----  
\*Tiến sĩ *Phê-rô* Lê Hữu Mục sinh ngày 24/11/1925 tại Phát Diệm, Kim Sơn, Ninh Bình.

Vào Nam, ông giảng dạy tại một số trường trung học và đại học ở Huế, ở Sài Gòn..., có lúc làm giám đốc Nha Sư phạm (Bộ Giáo dục VNCH).

---

25) Bài *Nguyệt dạ* của nhà thơ Trung Hoa đời Đường Lưu Phương Bình.

26) Bài *Dạ lĩnh* của Hồ Chí Minh trong *Ngục trung nhật ký*

27) Bài *Vọng nguyệt* của Hồ Chí Minh trong *Ngục trung nhật ký*

28) Bài *Báo tiếp* của Hồ Chí Minh (1948)

29) Viện Văn học, sđd, tr.214

30) William Duiker, sđd, tr.617

32) Nhiều tác giả, *Đầu nguồn*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1975, tr.417

33) Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975.

34) Harold R. Isaacs, *No Peace for Asia*, Nxb Macmillan, New York, 1947, tr.164

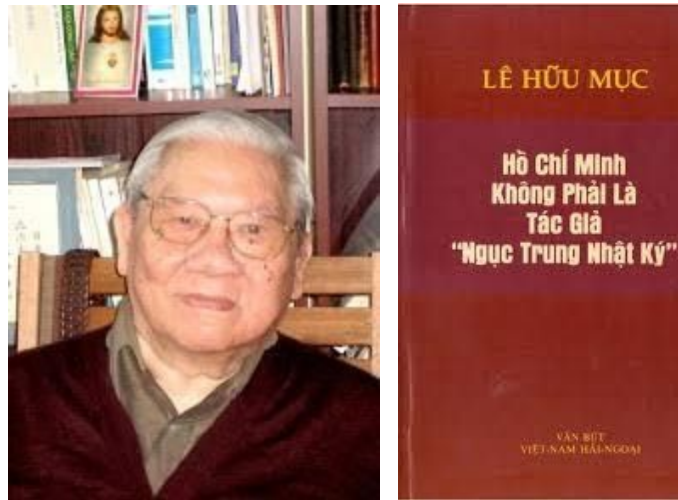
35), (38) *Phố Nhỏ Vietnamese Newspaper* phonhonews.com

36) [www.vietnamexodus.info](http://www.vietnamexodus.info)

37) Pierre Brocheux, sđd, tr.79

Sau ngày đất nước thống nhất, ông qua sống ở Canada. Cũng tại đây, ông viết cuốn *Hồ Chí Minh không phải là tác giả Ngục trung nhật ký* (xuất bản năm 1990), *Hồ Chí Minh không phải là nhà văn* (chưa xuất bản).

Đã qua đời ngày 8/11/2017 tại Montréal, Canada



*TS Lê Hữu Mục và bìa sách của ông*

## CÁC LẬP LUẬN CỦA ÔNG MỤC

Ông Mục nhấn mạnh ý: *Ngục trung nhật ký* có “lai lịch bất minh”, vì theo ông, tập thơ không mang tên tác giả là Hồ Chí Minh và bị lãng quên trong hơn chục năm. Trong cuốn *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, tác giả Trần Dân Tiên “cho biết ở trong tù, Hồ có làm thơ, nhưng Trần Dân Tiên không nói đến tập thơ”. Trong một thời gian dài, những người làm việc gần gũi với ông Hồ cũng không ai biết ông có tập thơ. Mãi đến năm 1958, theo lời ông Mục, họ “mới nhận thấy nhu cầu cấp bách là phải tăng cường tập trung quyền lãnh đạo văn nghệ vào tay lãnh đạo” bằng cách “khẳng định và đề cao thi tài của lãnh tụ” nên mới công bố ông Hồ là tác giả của *Nhật trung nhật ký*!

Để đi tới kết luận “*Hồ Chí Minh không phải là tác giả Ngục trung nhật ký*”, ông Mục đặt lại vấn đề thời gian và địa điểm sáng tác *Ngục trung nhật ký*, đưa ra nhiều

lập luận để phủ nhận ông Hồ, đồng thời tuyên bố tướng cướp Già Lý mới là tác giả *Ngục trung nhật ký* !

- *Về thời gian và địa điểm sáng tác*

Trong thời gian hoạt động ở Trung Hoa, ông Hồ hai lần bị bắt giam.

Lần đầu trong những năm 1931–1932 tại nhà tù Victoria của Anh ở Hồng Kông.

Lần sau, tại nhiều nhà giam trong tỉnh Quảng Tây, trong những năm 1942– 1943.

Ông Mục viết: “Trang đầu cuốn sổ ghi bốn chữ Hán *Ngục trung nhật ký*, dưới bốn chữ này là hai hàng số 29.8.1932 / 10.9.1933 không biết là tác giả hay ai ghi, ở dưới hai hàng số là một bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt vần trắc, kèm theo một hình vẽ hai nắm tay bị xích đang giơ lên cao” (xem hình). Mặc dù chưa từng thấy

tập thơ gốc bao giờ, nhưng ông Mục vẫn viết: “Ta thử nhìn cuốn sổ tay gần hơn, tờ



*Bìa NGỤC TRUNG NHẬT KÝ*

bìa màu xanh đã bạc màu, vào năm 1945 mà nó đã bạc màu thì cuốn sổ này, nếu là của Hồ Chí Minh, thì nó phải ở trong tay ông đã lâu, ít nhất là phải mười, mười lăm năm về trước”.

Ông Mục kết luận: *Ngục trung nhật ký* được viết trong những năm 1932–1933 tại nhà tù Hồng Kông. Ông nhấn mạnh: “Đối với nhà văn bản học, biết soạn niên tác

phẩm là điều quan trọng, nhiều khi chỉ bằng vào soạn niên của một tác phẩm mà nhà văn bản học có khả năng xác lập phụ quyền và cân nhắc giá trị của tác phẩm ấy”.

- *Về tác giả*

Đây là mục tiêu chính mà cuốn sách của ông Mục nhắm tới. Có mấy lý do để ông Mục phủ nhận việc ông Hồ là tác giả của *Ngục trung nhật ký*:

- a) *Kiến thức Hán văn:*

Sau khi phân tích một số bài thơ trong *Ngục trung nhật ký*, ông Mục nhận xét: “Những bài này được viết bằng những nét phác họa với những từ ngữ giản đơn, màu sắc gần như không có, thế mà người đọc có cảm tưởng như mình đang ở không gian này bước vào một không gian khác, đang ở thời gian này bước vào thời gian kia, và cho bài thơ là hay”.

Ông Mục khen *Ngục trung nhật ký* để dẫn tới kết luận: “Hồ Chí Minh không đủ kiến thức Hán văn để viết nên một tập thơ như *Ngục trung nhật ký*” vì “cho đến năm 1958, Hồ Chí Minh chỉ mới viết được khoảng trên dưới 30 bài văn vần [người trích xin nhấn mạnh: *văn vần*, chứ không phải *thơ*], phần nhiều là những bài về kháng chiến mà giá trị thi ca khó được những nhà thơ nhà văn (...) chấp nhận”

- b) *Hán gian*

Trong *Ngục trung nhật ký*, tác giả cho biết mình bị bắt vì bị tình nghi là Hán gian:

卻被嫌疑做漢奸

*Khước bị hiềm nghi tố Hán gian (Thế lộ nan)*

(Lại bị tình nghi là Hán gian)

漢奸與我本無干

*Hán gian dữ ngã bản vô can (Nhai thượng)*

(Hán gian, ta vốn thực vô can)

Ông Mục lập luận: “Muốn làm Hán gian thì đầu tiên phải là người Hán đã chứ, làm sao một người Việt Nam có thể làm Hán gian dù anh hoạt động trong nước Trung Hoa?” để kết luận: “Tác giả [*Ngục trung nhật ký*] nhất định phải là một người Trung Quốc, chứ không phải là người Việt Nam”, “chứ không phải Hồ Chí Minh”.

c) *Lão phu*

Trong *Ngục trung nhật ký*, tác giả mấy lần tự xưng là “lão phu”:

**老夫原不愛吟詩**

*Lão phu nguyên bất ái ngâm thi (Khai quyển)*

(Già này vốn không thích ngâm thơ)

**老夫和淚寫囚詩**

*Lão phu hòa lệ tả tù thi (Thu dạ)*

(Già này hòa nước mắt viết thơ tù)

Ông Mục lập luận: “Con người tự xưng là lão phu ấy không thể là Hồ Chí Minh, vì tính đến năm 1932–1933, Hồ mới khoảng ngoài 40; nếu có tính đến 1942–1943 chẳng nữa, Hồ cũng mới chỉ ngoài 50, chưa có quyền xưng với người khác là lão phu, xưng như thế sẽ tỏ ra hỗn xược, hoàn toàn không biết gì về những phong tục cổ truyền của Á Đông, nhất là về xưng hô”.

- “Ông già Lý mới là tác giả *Ngục trung nhật ký*” !

Sau khi bác bỏ ông Hồ, ông Mục ráng đi tìm tác giả *Ngục trung nhật ký*. Đọc cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, ông Mục tình cờ vớ được ông già Lý, người Trung Quốc, ở tù chung với ông Hồ trong nhà lao Victoria tại Hồng Kông. Đó là “một tướng cướp già, bị bắt vì bị bạn tố giác. Người này độ sáu mươi tuổi, hòa nhã, mưu trí và gan góc, giỏi chữ Trung Quốc, làm được thơ”<sup>9</sup>.

Mặc dù hoàn toàn không biết ông già Lý là ai, tên gì, quê quán ở đâu... chỉ cần vin vào mấy chi tiết “người Trung Quốc, già, làm được thơ”, ông Mục đã vội vàng khẳng định: “*Ông già Lý là tác giả Ngục trung nhật ký*”.

Ông giải thích các bài thơ trong *Ngục trung nhật ký* theo chiều hướng minh họa cho khẳng định đó. Chẳng hạn, ông Mục cho bài *Tảo giải*:

一次雞啼夜未闌，  
群星擁月上秋山。  
征人已往征途上，  
迎面秋風陣陣寒。

*Nhất thứ kê đề dạ vị lan,  
Quần tinh ủng nguyệt thưởng thu san.  
Chinh nhân dĩ tại chinh đồ thượng,  
Nghênh diện thu phong trận trận hàn*

(Gà gáy một lần, đêm chưa tan

Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn

Người đi cất bước trên đường thăm

Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn)

không phải là lời người tù bị giải đi sớm, mà là lời của một tướng cướp Tàu: “Già Lý còn say sưa kể lại những lần ông đi trong bóng đêm để chặn khách qua đường bắt nộp tiền mãi lộ [*sic*], nhưng thực ra ông chặn khách thì ít, mà hưởng được những cảm giác mạnh thì nhiều. Thích cuộc đời hào hùng, ghét những cảnh tầm

---

thường giả dối của xã hội, biết bao lần già Lý ra đi từ lúc nửa đêm để hưởng cái thú gió lùa vào mặt”.

Khi đọc tới câu:

**此間土地廣而貧**

*Thử gian thổ địa quảng nhi bần*

(Vùng đây tuy rộng, đất khô cằn)

trong bài *Long An – Đồng Chính*, ông Mục liên bình giải: “Già Lý có nhiều kỷ niệm với vùng đất khô cằn này...Vùng này là vùng núi, địa bàn hoạt động của già Lý”.

Còn bài *Tẩu lộ*:

**走路才知走路難，  
重山之外又重山。  
重山登到高峰後，  
萬里與圖顧盼間。**

*Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan*

*Trùng san chi ngoại hựu trùng san*

*Trùng san đăng đão cao phong hậu*

*Vạn lý dư đồ cố miện gian.*

(Đi đường mới biết gian lao

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng

Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non)

được ông Mục cho là già Lý sáng tác nhờ ông “vẫn sống ở những vùng núi cao, trèo lên tới đỉnh để thu cảnh đẹp vào tầm mắt”.

Chắc ông Mục phải giật mình khi thấy trong hai bài thơ *Song thập nhất* và *Tân Dương ngục trung hài* có mấy chữ quốc ngữ:

罪魁就是惡 NA-ZI

*Tội khôì tịu thị ác Na-zi*

(Tội phạm đầu sỏ chính là bọn Na-zi hung ác)

Oa...! Oa...! Oaa...!

家怕當兵救國家

Oa...! Oa...! Oaa...!

*Gia phạ đưòng binh cứu quốc gia* (Oa...! Oa...! Oaa...!

Cha sợ sung quân cứu nước nhà)

cũng như khi nhận ra hai câu đầu của bài *Bệnh trọng* dựa trên thơ của Hoàng Phan Thái:

外感華天新冷熱，  
內傷越地舊山河。

*Ngoại cảm Hoa thiên tân lãnh nhiệt*

*Nội thương Việt địa cựu sơn hà*

(“Ngoại cảm” trời Hoa cơn nóng lạnh

“Nội thương” đất Việt cảnh lâm than)

Ông già Lý biết chữ quốc ngữ và thuộc thơ của Việt Nam ư ?

Thực ra, còn bài *Tích quang âm* có câu cuối dựa trên thơ của Phan Châu Trinh nhưng không rõ vì lý do gì ông Mục không nhắc đến:

不知何日出牢籠

*Bất tri hà nhật xuất lao lung*

(Bao giờ thoát khỏi chốn lao lung)

Ông Mục cũng bỏ qua bài *Thế lộ nan* trong đó có câu:

余原代表越南民，  
擬到中華見要人。

*Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân*

*Nghĩ đáo Trung Hoa kiến yếu nhân.*

(Ta là đại biểu dân Việt Nam,

Tìm đến Trung Hoa để hội đàm)

Chả nhẽ ông Mục để một tướng cướp Tàu làm đại biểu cho dân Việt Nam ?

Tuy không dựa trên một cơ sở cụ thể nào, ông Mục vẫn “chữa cháy” bằng cách giải thích: mấy bài thơ nói trên là “của một người Việt Nam, cũng có thể là của Hồ Chí Minh tuy không có bằng cứ chắc chắn”.

Theo ông Mục, những bài hay, có “phong cách khái quát của thơ Đường” trong *Ngục trung nhật ký* là do tướng cướp Tàu sáng tác, còn ông Hồ chỉ làm những bài nôm na, đời tục như “bài *Hạn chế* nói về việc đau bụng mà không được đi cầu, bài *Bảo Hương cầu nhục* nói về việc ăn thịt chó ở Bảo Hương,... bài *Sơ đáo Thiên Bảo ngục* còn nói đến cả việc ngồi trên hố xí nữa”. “Đây có thể kể như là sự đóng góp của Hồ Chí Minh”, ông Mục nhận xét. Do đó, ông Mục thấy trong tập thơ “có hai nhân cách, hai con người đối chọi nhau thật sự” !

Nhưng tại sao nhật ký mà lại do hai người cùng viết ? Ngồi tận bên Canada, ông Mục tưởng tượng ra cảnh hai tác giả hợp tác với nhau: “Vào thời gian gặp già Lý, Hồ chưa nói được tiếng Quan [thoại], nhưng ông biết chữ Hán, có thể bút đàm được với già Lý, nhờ đó mà hai người có nhiều dịp chuyện vãn với nhau, làm thơ chung với nhau... Cuốn sổ tay màu xanh bạc màu là cuốn sổ tay của hai người dùng chung” để chép các bài thơ trong *Ngục trung nhật ký*.

(Còn tiếp kỳ sau)



## CÂU CHUYỆN TÁC GIẢ NGỤC TRUNG NHẬT KÝ

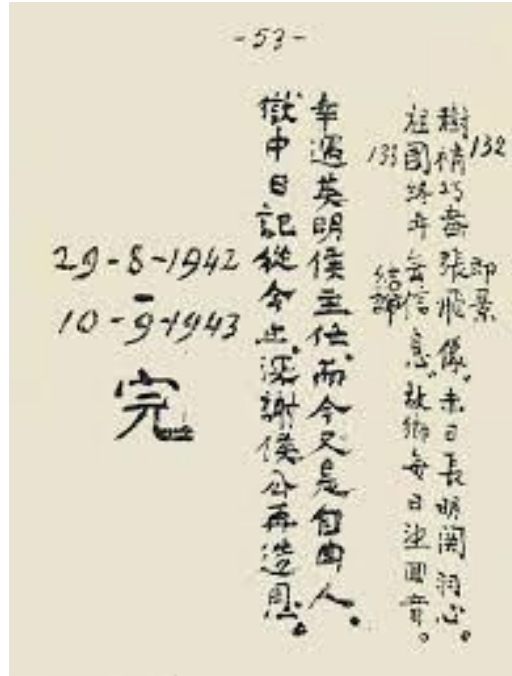
TS PHAN VĂN HOÀNG

*(Tiếp theo kỳ trước)*

Có lẽ không khó để phản bác các luận điểm của tiến sĩ Lê Hữu Mục.

### □ Về thời gian sáng tác tập thơ:

Đúng là trang bìa ghi hai hàng số 29.8.1932 / 10.9.1933, nhưng ở cuối bài *Kết luận* (bài số 133 ở trang 53, tức bài cuối cùng của tập thơ), tác giả ghi 29.8.1942 / 10.9.1943 trước chữ “Hoàn” 完 (nghĩa là “hết”). Đây mới là ngày đúng: 29.8.1942 là một ngày sau ngày ông Hồ bị bắt (28.8.1942), còn 10.9.1943 là ngày ông được trả tự do.



Tại sao ngày ghi ở trang bìa lùi lại đúng 10 năm? Có ý kiến cho rằng tác giả muốn qua mắt những người tò mò chẳng?

Nhưng điều quan trọng hơn là nội dung nhiều bài thơ cho thấy *Ngục trung nhật ký* sáng tác trong hai năm 1942–1943. Chẳng hạn:

Bài *Song thập nhất* (ngày 11 tháng 11) có những câu:

今日五洲同血戰，  
罪魁就是惡 NA-ZI。

*Kim nhật ngũ châu đồng huyết chiến,  
Tội khôi tịu thị ác Na-zi.*

(Năm châu nay lại đang tuôn máu

Bọn quỷ Na-zi tội đứng đầu)

**中華抗戰將六載**

*Trung Hoa kháng chiến tương lục tải*

(Trung Hoa kháng chiến sáu năm chầy)

**抗日旌旗滿亞洲**

*Kháng Nhật tinh kỳ mãn Á châu*

(Kháng Nhật, cờ bay khắp Á Châu)

*Na-zi* (trong nguyên tác viết bằng chữ quốc ngữ) viết tắt hai từ tiếng Đức *National-sozialist* (Quốc gia xã hội, thường nói tắt là Quốc xã), tên chính đảng của Adolf Hitler.

Cuộc kháng chiến chống phát-xít Nhật diễn ra khắp châu Á. Ở Trung Hoa, nó bắt đầu từ ngày 7-7-1937 (khi quân Nhật gây hấn ở cầu Lư Câu, Bắc Kinh), tính đến ngày sáng tác bài thơ (11-11-1942) gần 6 năm.

### Bài *Các báo: hoan nghênh Uy-ki đại hội* 各報：歡迎威基大會

(Các báo đăng tin hội họp lớn hoan nghênh Willkie) đề cập đến việc phái đoàn Mỹ do Wendell Willkie dẫn đầu đến Trùng Khánh. Nhà nghiên cứu Archimedes L.A. Patti kể: “Hồ Chí Minh làm “khách” của Trương Phát Khuê tại nhà lao Thiên Bảo khi Wendell Willkie đến thăm Trung Hoa tháng 10-1942” (*Ho Chi Minh was a “guest” of Chang Fa-kwei at the Tienpao prison when Wendell Willkie visited China in October 1942*)<sup>(10)</sup>

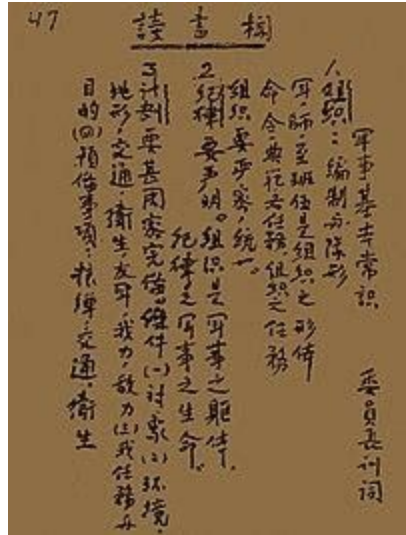


*Wendell Willkie được Tưởng Giới Thạch tiếp đón*

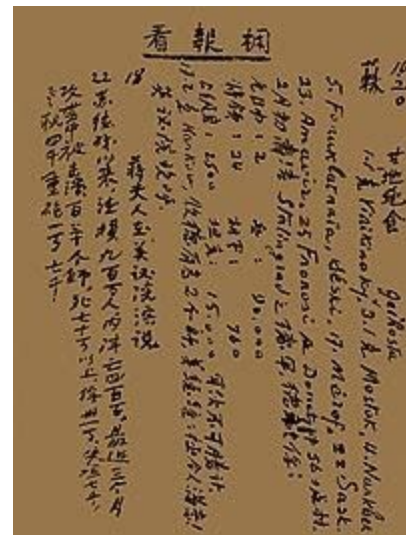
Đặc biệt, ở cuối cuốn sổ, còn có mục đọc sách “*Độc thư lan* 讀書欄” (từ trang 47 đến trang 52) và mục đọc báo “*Khán báo lan* 看報欄” (từ trang 62 đến trang 71) trong đó tác giả ghi một số sự kiện xảy ra trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ II, như:

*Địch vào Việt Nam tháng 9-1940*

*Ngày 26-7-1941, Nhật đổ bộ lên Sài gòn...*<sup>(11)</sup>



Mục đọc sách (Độc thư lan)



Mục đọc báo (Khán báo lan)

## □ Về địa điểm sáng tác tập thơ:

Trong bài *Đáo Đệ tứ chiến khu Chính trị bộ*, tác giả cho biết:

解過廣西十三縣，  
住了十八個監房。

*Giải quá Quảng Tây thập tam huyện,  
Trú liêu thập bát cá giam phòng*

(Quảng Tây giải khắp mười ba huyện

Mười tám nhà lao đã ở qua)

Tựa nhiều bài thơ cho thấy ông đã ở trong những nhà lao nằm trên tỉnh Quảng Tây: “Bị bắt giữ ở phố Túc Vinh”, “Vào nhà ngục huyện Tĩnh Tây”, “Mới đến nhà lao Thiên Bảo”, “Đáp xe lửa đi Lai Tân”... và cuối cùng là “Nhà giam của Ban chính trị”. Tuyệt nhiên không có bài thơ nào nói tới nhà tù Victoria ở Hồng Kông. Không biết tiền sĩ Mục có nghĩ “Hồng Kông bên hông Quảng Tây” và “Victoria không xa Túc Vinh” hay không ?



*Từ Túc Vinh đến Liễu Châu: “Quảng Tây giải khắp mười ba huyện”*

## □ Về một số nhân vật được nhắc đến trong tập thơ

Bên cạnh những người chỉ ghi họ, không biết tên (như tiên sinh họ Quách, trưởng ban họ Mạc, khoa trưởng họ Ngũ, các khoa viên họ Hoàng, họ Trần...) là những người có lý lịch rõ ràng, sống ở Quảng Tây trong những năm 1942-1943.

Chẳng hạn trung tướng Lương Hoa Thịnh. Lúc ông Hồ bị giải tới Ban chính trị Chiến khu IV vào cuối tháng 1 – đầu tháng 2 năm 1943, ông Lương đang làm chủ nhiệm của ban này. Được ông Lương đối xử tốt, ông Hồ có bài thơ *Mông ưu đãi*:

主任梁公優待我，  
我心感激不勝言。

*Chủ nhiệm Lương công ưu đãi ngã  
Ngã tâm cảm kích bất thắng ngôn*  
(Ông Lương chủ nhiệm đãi ta hậu  
Cảm kích lòng ta, nói chẳng nên)

Tháng 5-1943, ông Lương được thăng chức phó tư lệnh Chiến khu IV, ông Hồ có bài thơ *Lương Hoa Thịnh tướng quân thăng nhậm phó tư lệnh* 梁華晟將軍升任副司令.

Thiếu tướng Hầu Chí Minh kế nhiệm, tiếp tục cư xử tốt với ông Hồ, tặng ông một bộ sách, ông có bài thơ *Hầu chủ nhiệm ân tặng nhất bộ thư* 侯主任恩贈一部書.

Ông Hầu là người tới thủ đô Trùng Khánh nhận quyết định trả tự do cho ông Hồ. Trong bài *Kết luận* (bài cuối cùng của tập thơ), ông Hồ viết:

幸晤英明侯主任，  
而今又是自由人。

*Hạnh ngộ anh minh Hầu chủ nhiệm，  
Nhi kim hựu thị tự do nhân*

(Sáng suốt, nhờ ơn Hầu chủ nhiệm

Tự do trở lại với mình rồi)

Người thứ ba là Dương Đào, gắn bó với hành trình Quảng Tây của ông Hồ trong những năm 1942-1943. Lúc đó, anh thanh niên dân tộc Choang này chưa tròn tuổi đôi mươi, tình nguyện làm người dẫn đường ông Hồ nên cũng bị bắt và bị giam với ông. Hay tin anh bị bệnh nặng trong tù, ông Hồ viết bài *Dương Đào bệnh trọng*:

無端平地起波濤，  
送你楊濤入坐牢。

*Vô đoan bình địa khởi ba đào，  
Tống nhĩ Dương Đào nhập toạ lao*

(Sóng dậy đất bằng hỏi có sao

Đẩy anh vào ngục, anh Dương Đào)

Ra tù ít lâu, Dương Đào qua đời. Tháng 8-1963, ông Hồ mời Dương Thắng Cường (em của Dương Đào) và sáu người Quảng Tây từng có công giúp đỡ cách mạng Việt Nam sang thăm Hà Nội.

## □ Về tác giả tập thơ:

### a) Hán gian

Trong sách *Hồ Chí Minh với Trung Quốc* xuất bản tại Bắc Kinh năm 1987, Phó giáo sư Hoàng Tranh cho biết: trước khi lên đường sang Trung Quốc tháng 8-1942, ông Hồ cho in danh thiếp bằng chữ Hán để sử dụng trong chuyến đi, ở giữa là “*Hồ Chí Minh 胡志明*”, hai bên là “*Việt Nam Hoa Kiều 越南華僑*” và “*Tân văn ký giả 新聞記者*”. Các nhà sử học như William Duiker, Chester Cooper (Mỹ), King C. Chen (Mỹ gốc Hoa), Jean Lacouture (Pháp), Yevgeny Kobelev (Liên Xô)...đều hiểu nội dung của danh thiếp: Hồ Chí Minh, nhà báo người Trung Hoa sống ở Việt Nam (*Chinese journalist resident in Vietnam*)<sup>(12)</sup>

Đây không phải là lần đầu tiên ông Hồ đóng vai người Trung Quốc. Chẳng hạn:

Năm 1924, lần đầu tiên đến hoạt động ở Quảng Châu, ông viết: “Trong lúc này, tôi là một người Trung Quốc chứ không phải là một người An Nam, và tên tôi là Lý Thụy chứ không phải là Nguyễn Ái Quốc”<sup>(13)</sup>

Đầu năm 1939, với bí danh Hồ Quang, ông Hồ làm việc ở Trùng Khánh. Lưu Ngang, cán bộ văn phòng Bát lộ quân, kể: ông Hồ “nói [tiếng Trung] pha giọng Quảng Đông [nên] chúng tôi cứ tưởng [ông] là người Quảng Đông”<sup>(14)</sup>

Vào “cuối tháng 11-1940...từ Nam Ninh...đi thuyền về Điền Đông”, ông Hồ “đóng vai một tân văn ký giả Trung Quốc” không biết tiếng Việt. Vũ Anh kể: “Bác nói tiếng Pháp, anh [Phạm Văn Đồng] dịch lại...Lúc ngồi thuyền, ai có hỏi gì [bằng tiếng Việt], có người dịch lại, Bác mới trả lời”<sup>(15)</sup>

Tháng 8-1944, William R. Powell, một viên chức của Cơ quan thông tin chiến tranh (*Office of War Information*) của Mỹ, nói với tổng lãnh sự Mỹ ở Côn Minh (Vân Nam) rằng ông Hồ là “một người Trung Hoa sinh ở Đông Dương” (*one Indochina-born Chinese*)<sup>(16)</sup>.

Khi bị bắt ở Túc Vinh (8-1942), ông xuất trình danh thiếp nói trên, nên nhà cầm quyền Quảng Tây tình nghi ông là người Trung Hoa làm gián điệp cho phát-xít Nhật và cho Pháp Decoux ở Đông Dương (*a Japanese-French spy*, như King C. Chen đã viết)<sup>(17)</sup> nên gọi ông là Hán gian.

Sau đó, Phân hội Việt Nam của Hiệp hội quốc tế chống xâm lược gửi điện và thư cho nhiều quan chức và nhiều hãng tin, nói rõ ông Hồ là người lãnh đạo Phân hội Việt Nam đang trên đường tới Trùng Khánh để hội kiến với Chính phủ Trung Hoa, như chính ông đã viết trong bài *Thế lộ nan*:

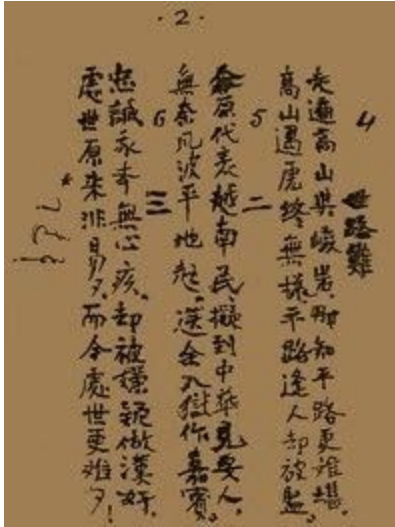
余原代表越南民，  
擬到中華見要人。

*Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân*

*Nghĩ đến Trung Hoa kiến yếu nhân*

(Tôi là đại biểu dân Việt Nam

Định đến Trung Hoa để gặp nhân vật trọng yếu)



Bài *Thế lộ nan*

## b) Lão phu

Ngày trước, khi tuổi thọ bình quân ở châu Á còn thấp, người khoảng 50 tuổi đã được xem là già. Ngày nay, đọc lại tiểu thuyết *Tố Tâm*, ta không khỏi buồn cười khi thấy nhà văn Hoàng Ngọc Phách viết: “Tôi...thấy một bà cụ ở trên gác xuống, vào trạc 48, 49 tuổi”<sup>(18)</sup>.

Tháng 4-1940, Hoàng Quang Bình gặp ông Hồ (lúc đó 50 tuổi) ở Xi Xuyên (Vân Nam), gọi ông là “ông già Trần” và nhận xét: “Đúng là một ông lão ở thôn quê ta sang”<sup>(19)</sup>. Ba năm sau, 1943, Bành Đức, một nhân viên của Ban chính trị Chiến khu IV, kể: mọi người gọi ông Hồ là “*Hồ lão bá* 胡老伯” (Bác Hồ già)<sup>(20)</sup>.

Về việc ông Hồ tự xưng là “*lão phu*” trong *Ngục trung nhật ký*, Phó giáo sư Phan Ngọc, một vị túc nho, giải thích: “Đỗ Phủ chính là vị thầy về thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh. Có khá nhiều cách diễn đạt của ông [Hồ] là bắt nguồn ở Đỗ Phủ (...). Ông Đỗ này luôn luôn tự xưng mình là *lão*”<sup>(21)</sup> hay *lão phu* khi chưa phải là già, chẳng hạn:

*Quân bất kiến không tường, nhật sắc văn*

*Thử lão vô thanh, lệ thù huyệt* (thơ làm lúc mới 38 tuổi)

*Thiếu Lãng dã lão thôn thanh khóc* (lúc 45 tuổi)

*Tân thi cú cú hảo / Ứng nhiệm lão phu truyền* (lúc 45 tuổi)

*Lân ngã lão phu tặng lưỡng hành* (lúc 51 tuổi) v.v...

**c). Kiến thức Hán văn của ông Hồ:**

Cho đến nay, chúng ta chưa có tài liệu để biết chắc ông Hồ bắt đầu viết báo, làm thơ bằng chữ Hán từ khi nào, nhưng có thể khẳng định là không trễ hơn năm 1940.

Theo Hạ Diễn, nguyên tổng biên tập tờ *Cứu vong nhật báo* 究亡日報, chỉ trong hơn một tháng dừng chân ở Quế Lâm (từ 15-11 đến 18-12-1940), ông Hồ đã gửi đăng trên báo này 10 bài <sup>(22)</sup>. Một trong những bài báo đó có bài thơ *Cứu Trung Quốc thị cứu tự kỷ* dài 20 câu.

Ngày 24-6-1942, tức hơn một tháng trước khi lên đường đi Quảng Tây, ông sáng tác bài thơ *Thương sơn*:

*Lục nguyệt nhị thập tứ*

*Thương đảo thử sơn lai.*

*Cử đầu hồng nhật cận*

*Đối ngạn nhất chi mai.*

Và ngay sau khi ra khỏi nhà giam ở Liễu Châu, khoảng giữa tháng 9-1943, ông viết bài thơ *Tân xuất ngục học đăng sơn* gửi về cho bạn bè trong nước:

*Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân*

*Giang tâm như kính tịnh vô trần.*

*Bồi hồi độc bộ Tây Phong lĩnh*

*Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.*

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, ông lại viết một số bài thơ chữ Hán như *Nguyên tiêu*, *Thu dạ*, *Báo tiệp* (1948), *Vô đề*, *Tư chiến sĩ*, *Đối nguyệt*, *Đăng sơn* (1950) v.v...

Có lẽ ông Mục chưa đọc những bài thơ nói trên nên mới quả quyết rằng “Hồ Chí Minh không đủ kiến thức Hán văn để viết nên một tập thơ như *Ngục trung nhật ký*”!

Có nhiều người có đủ điều kiện hơn ông Mục để có thể đưa ra một nhận định về “kiến thức Hán văn” của ông Hồ. Họ là những người Trung Hoa khá nổi tiếng, từng có thời gian tiếp xúc gần gũi với ông Hồ. Chúng tôi chọn hai người có những

tính chất khác biệt nhau: một văn, một võ, một theo Trung Hoa Quốc dân đảng, một theo Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Người thứ nhất là tướng Trương Phát Khuê (1896-1980), từng làm tư lệnh Chiến khu IV từ 1939 đến 1944. Như chúng ta đã biết, tháng 1-1943, ông Hồ bị giải tới Quế Lâm, bị giam tại nhà tạm giam quân nhân thuộc Chiến khu IV. Được cấp dưới báo cáo, tướng Trương Phát Khuê nhiều lần đến gặp và đàm đạo ông Hồ, đối xử với ông như một người khách. “Khi họ đã quen biết nhau hơn, viên tướng xem “người khách” của ông là một “người rất tốt. Ông này nói năng dịu dàng, vừa nói vừa vuốt ve bộ râu. Ông giữ đầu óc điềm tĩnh và làm việc tích cực”. Trương Phát Khuê cũng lấy làm ấn tượng về vốn học chữ Hán của ông Hồ” (*Once they got better acquainted, the general came to consider his “guest” a “very good man. He spoke softly while stroking his beard. He kept a cool head and worked hard”. Zhang Fakui was also impressed by Ho’s Chinese education*)<sup>(22a)</sup>. Gần 20 năm sau, khi viết hồi ký về cuộc kháng chiến chống phát-xít Nhật “*K’ang chan hui i lu*” trên tuần báo *United Review* xuất bản ở Hong Kong năm 1962, tướng Trương Phát Khuê vẫn giữ nguyên ấn tượng ban đầu về ông Hồ: đó là một người “đầy nghị lực và làm việc tích cực”, thông hiểu các vấn đề trên thế giới nhiều hơn các thủ lĩnh Việt Nam khác [ám chỉ các thủ lĩnh Việt Quốc, Việt Cách] và biết “các ngôn ngữ Hán, Anh và Pháp” (*He viewed Ho as an “energetic and hard-working” man who had a “better knowledge” in world affairs [than other Vietnamese leaders] and who knew “Chinese, English, and French languages”*)<sup>(22b)</sup>.

Người thứ hai là nhà thơ Quách Mạt Nhược (1892-1978), từng làm chủ tịch Hội liên hiệp Văn học – Nghệ thuật Trung Quốc, viện trưởng Viện Khoa học xã hội Trung Quốc. Sau khi đọc *Ngục trung nhật ký*, ông nhận xét: “Hầu hết bài nào cũng đều toát ra sức sinh động hình ảnh một nhà cách mạng lão thành, thanh thoát, tài trí, ung dung, giản dị, kiên cường... Thật là “*thi như kỳ nhân*” (thơ như người vậy)... Có một số bài rất hay; nếu như đặt lẫn vào một tập của các thi nhân Đường – Tống thì cũng khó phân biệt”<sup>(22c)</sup>).

Chúng tôi trích sau đây một số câu thơ cùng viết về trăng:

- *Nguyệt chiếu thành đầu, ô bán phi*

*Sương thê vạn mộc, phong nhập y.*

(Trăng chiếu đầu thành, quạ bay thấp thoáng

Sương đầm lạnh cây cối, gió thổi vào áo)<sup>(23)</sup>.

- *Song ngoại nguyệt minh lung cổ thụ*

*Nguyệt di thụ ảnh đảo song tiền.*

(Ngoài cửa sổ, trăng sáng lồng cây cỏ thụ  
Ánh trăng nhích dần bóng cây tới trước cửa sổ)<sup>(24)</sup>.

- *Canh thâm nguyệt sắc bán nhân gia*

*Bắc đầu lan can, Nam đầu tà*

(Đêm khuya, trăng dọi nửa căn nhà  
Sao Bắc đầu ngang hiên, sao Nam đầu đã xế)<sup>(25)</sup>.

- *Nguyệt chiếu đình tiêu tăng lãnh khí*

*Khung song Bắc đầu dĩ hoành thiên*

(Trăng soi khám chuỗi trước sân càng tăng khí lạnh  
Nhòm qua cửa sổ, sao Bắc đầu đã ngang trời)<sup>(26)</sup>.

- *Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt*

*Nguyệt tòng song khích khán thi gia.*

(Người hướng ra trước song, ngắm trăng sáng  
Từ ngoài khe cửa, trăng ngắm nhà thơ)<sup>(27)</sup>.

- *Nguyệt thôi song vấn: Thi thành vị?*

*Quân vụ nhưng mang, vị tổ thi.*

(Trăng đẩy cửa sổ, hỏi: Thơ xong chưa?

- Vẫn còn bận việc quân, chưa làm thơ được)<sup>(28)</sup>.

Nếu người đọc không phân biệt được câu nào trong *Ngục trung nhật ký*, câu nào do ông Hồ sáng tác ở căn cứ kháng chiến và câu nào của các nhà thơ Trung Hoa đời Đường thì chúng ta sẽ chấp nhận ý kiến nói trên của Quách Mạt Nhược<sup>(29)</sup>.

Các nhà nghiên cứu Pháp, Mỹ như Daniel Hémery, Pierre Brochenx, Willam Duiker... từng đọc các tác phẩm bằng tiếng Pháp của ông Hồ thời ở Paris, lại có thêm một cách tiếp cận khác. Họ tìm thấy nét tương đồng trong văn phong của *Ngục trung nhật ký* với các tác phẩm trước đó của ông, chẳng hạn những bài thơ sáng tác trong tù của ông có “sự hóm hỉnh (*sense of humor*) và tài châm biếm (*gift*

of irony), đó là những đặc trưng trong các tác phẩm của ông từ thời trai trẻ khi ông còn là một nhà cách mạng ở Paris”<sup>(30)</sup>.

## □ Về lai lịch tập thơ:

Về lai lịch tập thơ, có nhiều sự kiện dường như ông Mục không biết, hay biết mà bỏ qua.

Theo Phó giáo sư Phan Ngọc, sau Cách mạng tháng 8-1945, “trên tờ báo *Đồng minh* (...) số 43 ra ngày 6-11-1946 [xuất bản ở Hà Nội], một tác giả là T.S (có khả năng là Lê Tùng Sơn, một nhà cách mạng Việt Nam hoạt động lâu năm ở Trung Quốc) đã viết một bài báo ngắn nhau đề *Quyển nhật ký thơ của cụ Hồ*, giới thiệu vắn tắt về tập *Nhật ký trong tù* của Hồ Chí Minh mà ông được xem ngay tại Liễu Châu khi mà nhà cách mạng vừa mới ra tù, trong đó lại còn dịch cả bài *Khai quyển* nữa”<sup>(31)</sup>.

Sau đó, trong tập hồi ký *Đầu nguồn*, Lê Tùng Sơn nhớ lại lần gặp ông Hồ tháng 8-1943: “Bác mới từ nhà lao ra, hai chân bị xích lâu ngày, không cất bước được. Bác đã áp chặt hai bàn tay vào tường, cứ như thế tập đi từng bước một”<sup>(32)</sup>. Chi tiết này trùng hợp với hai câu thơ trong bài *Mông thương lệnh chuẩn xuất lung hoạt động* của *Ngục trung nhật ký*:

久閑兩腳軟如綿，  
今試行行屢欲顛。

*Cửu nhàn lưỡng cước nhuyễn như miên,  
Kim thí hành hành lữ dục điên*

(Nghỉ lâu, chân tựa bông mềm nhũn

Đi thử hôm nay muốn ngã quay)

Trong *Những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* (xuất bản vào cuối thập niên 1940), người đọc cũng gặp nhiều chi tiết tương đồng với *Ngục trung nhật ký*. Chẳng hạn:

“Người ta giải cụ Hồ đi... nhưng không cho cụ biết đi đâu” (tr.95)

含冤踏遍廣西地，  
不知解到幾時休。

*Hàm oan đạp biến Quảng Tây địa,  
Bất tri giải đáo kỷ thời hưu (?)\**

(Quảng Tây đi khắp, lòng oan ức

Giải đến bao giờ, giải tới đâu)

-----  
\*Tựa bài thơ là dấu chấm hỏi (?)

“Trong khi cụ Hồ la hét tắm thân mệt lử từ nhà giam này tới nhà giam khác, có lẽ những việc lớn đang dồn dập trong nước và trên thế giới... Lòng cụ Hồ rối như tơ vò

vì phải ngồi im vô ích” (tr.97)

環球戰火鑠蒼天  
壯士相爭赴陣前  
獄裡閑人閑要命

*Hoàn cầu chiến hỏa thước thương thiên,  
Tráng sĩ tương tranh phó trận tiền.  
Ngục lý nhàn nhân nhàn chiếu mệnh (Nạp muộn)*

(Tướng sĩ đua nhau ra mặt trận  
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh  
Trong ngục người nhàn, nhàn quá đời)

未得躬親上戰場

*Vị đắc cung thân thương chiến trường (Việt hữu tao  
động)*

(Chưa được xông ra giữa trận tiền)

“Trong tù, người ta gọi rệp là chiến xa, rận là xe tăng và muỗi là tàu bay”  
(tr.97)

木虱縱橫如坦克，  
蚊虫聚散似飛機。

*Mộc sất tung hoành như thản khắc,  
Văn trùng tụ tán tựa phi cơ (Thu dạ)*

(Rệp bò ngang dọc như xe cóc  
Muỗi lượn hung hăng tựa máy bay)

“Một hôm, khi ngủ dậy, cụ thấy người nằm bên cạnh dựa vào lưng cụ đã chết cứng” (tr.96) <sup>(33)</sup>.

昨夜他仍睡我側，  
今朝他已九泉歸。

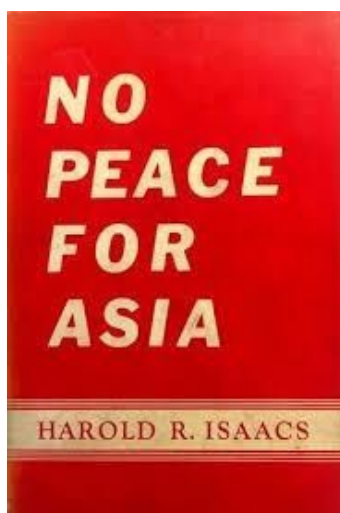
*Tạc dạ tha nhưng thụy ngã trắc,  
Kim triêu tha dĩ cửu tuyền quy*

*(Nhất cá đồ phạm “ngạch” liễu)*

(Đêm qua còn ngủ bên tôi đó

Mà sáng hôm nay đã xuôi vàng)

Một cuốn sách khác, *No Peace for Asia* (Không có hòa bình cho châu Á) do nhà xuất bản Macmillan ở New York ấn hành năm 1947, cũng nhắc tới một số chi tiết giống với *Ngục trung nhật ký*. Tác giả là Harold R. Isaacs từng gặp ông Hồ (lúc đó còn mang tên Nguyễn Ái Quốc) ở Thượng Hải cuối năm 1933, khi người Mỹ này đang làm chủ bút tuần báo tiếng Anh *The China Forum*.



*Bìa sách của Harold R. Isaacs*

Tháng 11-1945, khi tới Bắc Bộ Phủ (ở Hà Nội), ông nhận ra ông Hồ ngay: “Người ấy đúng là bạn cố tri của tôi ở Thượng Hải” (*He was indeed my Shanghai friend of long ago*). Khi hai người kể cho nhau nghe những chuyện xảy ra trong 12 năm xa cách, ông Hồ nhắc lại thời gian bị giam ở Quảng Tây (1942-1943):

“Ở Quế Lâm, răng tôi bắt đầu rụng... Tôi chỉ còn da bọc xương và mình đầy ghẻ

lở (*It was at Kweilin that my teeth began to fall out...I was skin on bones, and covered with rotten sores*)”.

落了一隻牙 ...

黑瘦像餓鬼, ○

全身是癩痧。

*Lạc liễu nhất chích nha...*

*Hắc sấu tượng ngã quỷ,*

*Toàn thân thị lại sa (Tứ cá nguyệt liễu)*

(Răng rụng mất một chiếc...

Gầy đen như quỷ đói,

Ghẻ lở mọc đầy thân)

Khi ông Hồ và Harold R. Isaacs lên ô-tô, hai chiến sĩ đi theo bảo vệ. Cảnh ấy khiến ông Hồ nhớ lại một kỷ niệm trong tù:

“Khi tôi bị giam ở Trung Hoa, tôi được ra ngoài tập thể dục 15 phút buổi sáng và 15 phút buổi chiều. Mỗi khi tôi tập ở ngoài sân thì luôn có hai lính gác cầm súng đứng bên cạnh (*When I was in prison in China, I was let out for fifteen minutes in the morning and fifteen minutes in the evening for exercise. And while I took my exercise in the yard, there were always two armed guards standing right over me with their guns*)”.

每日還開兩次籠。

*Mỗi nhật hoàn khai lưỡng thứ lung (Đồng Chính)*

(Ngày lại hai lần mở cửa lao)

門前衛士執槍立

*Môn tiền vệ sĩ chấp thương lập (Thu dạ)*

(Trước cửa lính canh bồng súng đứng)

Ông Hồ kể tiếp: “Bây giờ tôi làm chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mỗi khi rời khỏi nơi này, lại có hai cận vệ cầm súng đi theo”. Ông kết luận một cách hóm hỉnh: “Cuộc đời thật buồn cười! (*How funny life is!*)” <sup>(34)</sup>.

Rõ ràng các nhân vật trong *Ngục trung nhật ký*, trong bài viết của Lê Tùng Sơn, trong *Những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* và *No Peace for Asia* là cùng một người duy nhất: đó là ông Hồ. Chuyện “ông già Lý là tác giả” chỉ là suy đoán không có căn cứ, không đáng tin.

///

Có lần TS Lê Hữu Mục khuyên một đồng nghiệp trẻ: “Phải cẩn thận, viết mau viết sai thì chết, không thể sửa được”<sup>(35)</sup>.

Ông khuyên người khác, nhưng lại không thực hiện lời khuyên của mình. Như lời ông kể, được “anh em hải ngoại” đặt hàng viết một cuốn sách nhằm chống lại nghị quyết của UNESCO, ông Mục đã “*cố gắng viết, chỉ nội trong một tháng là xong*”<sup>(36)</sup>.

Vì cuốn sách của ông Mục không nhằm mục đích nghiên cứu văn học mà chỉ để phục vụ một ý đồ chính trị, nên ông Mục phạm phải nhiều sai lầm một cách kỳ lạ.

Ông kết luận *Ngục trung nhật ký* được sáng tác tại Hồng Kông trong khi những địa danh từ đầu đến cuối tập thơ đều nằm ở Quảng Tây.

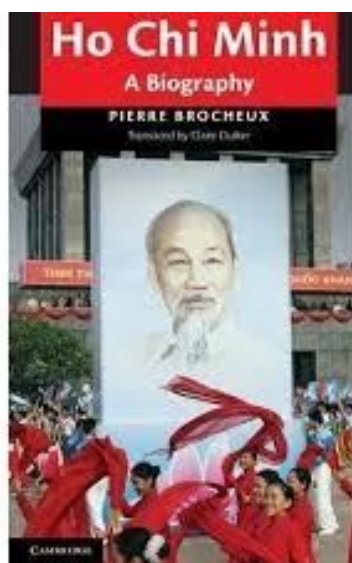
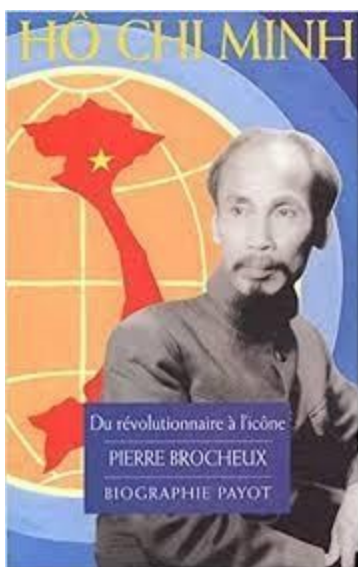
Ông kết luận *Ngục trung nhật ký* được làm trong những năm 1932-1933, nhưng tập thơ đề cập đến nhiều sự kiện và nhân vật của thời Chiến tranh thế giới lần thứ II trong thập niên sau đó.

Ông quả quyết tác giả của *Ngục trung nhật ký* là “ông già Lý”, một tướng cướp Tàu mà bản thân ông không hề biết tên tuổi, quê quán, sự nghiệp v.v...

Lúc đầu, ông khẳng định “Hồ Chí Minh không bao giờ đã viết *Ngục trung nhật ký*”, nhưng sau đó lại thừa nhận có “sự đóng góp của Hồ Chí Minh” vào tập thơ này. Tuy lập luận tiền hậu bất nhất, nhưng ý đồ trước sau như một của ông Mục – như chính ông tuyên bố - là muốn chứng minh “Hồ Chí Minh không biết làm thơ, cũng chẳng phải là nhà văn học, văn hóa gì” nhằm chống lại quyết định tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh của UNESCO.

Vì cuốn sách *Hồ Chí Minh không phải là tác giả Ngục trung nhật ký* của ông Mục chứa đựng nhiều lập luận chủ quan, sai lầm một cách lộ liễu nên không thuyết phục được ai. Sau năm 1990, các nhà nghiên cứu trên thế giới vẫn tiếp tục thừa nhận *Ngục trung nhật ký* do ông Hồ sáng tác trong các nhà giam ở Quảng Tây trong những năm 1942-1943. Chẳng hạn Pierre Brocheux, giáo sư đại học Paris VIII – Denis Diderot, khi viết cuốn *Hồ Chí Minh du révolutionnaire à l'icône* năm 2003 (được dịch sang tiếng Anh năm 2007 dưới tựa mới *Hồ Chí Minh - A Biography*), tuy có nhắc tới cuốn *Hồ Chí Minh không phải là tác giả Ngục trung nhật ký* trong chú thích ở cuối sách, nhưng không ghi tên tác giả Lê Hữu Mục. Brocheux vẫn bỏ qua kết luận của ông Mục, dành nhiều trang để trích dẫn và bình giải chín bài thơ của ông Hồ, nhận xét các bài thơ ấy “đã thu được những khía cạnh khác nhau của

cuộc sống trong tù, khi thì khốn khổ và tuyệt vọng, khi khác lại an ủi và lạc quan” (*The poems ...capture the different aspects of prison life, some miserable and despairing, others consoling and optimistic*)<sup>(37)</sup>.



*Bìa sách (nguyên tác và bản dịch) của Pierre Brocheux*

Người đồng nghiệp trẻ nói trên đã bình luận lời khuyên của ông Mục: “Chúng ta không thể dửng dưng liệng đại đũa vào thị trường sách vở những quyển sách đầy sai lầm do sự tắc trách. Chôn vùi tên tuổi mình là chuyện nhỏ, nhưng đầu độc người khác bằng những kiến thức sai lạc và những lập luận khiên cưỡng là chuyện không thể tha thứ được. Sách vở còn đó, 30, 50 hay cả trăm năm sau”<sup>(38)</sup>.

Trong 30 năm qua, cuốn sách của ông Mục – được in ra giấy, được đăng lên mạng – đã “đầu độc người khác bằng những kiến thức sai lạc và những lập luận khiên cưỡng” nên chúng tôi nghĩ đã đến lúc cần phân tích cuốn sách của ông để mọi người – nhất là giới trẻ Việt Nam ở hải ngoại – thấy những tác hại của nó.